

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Sau khi trải qua một ngày giằng co, VN-Index kết phiên giảm gần 10 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 13/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bán lẻ giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Ô tô và phụ tùng, Dịch vụ tài chính, Tài nguyên cơ bản,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX, UPCOM. Dù xu hướng giằng co vẫn chiếm vị thế chủ đạo, thị trường cũng đang cho thấy dòng tiền bắt đáy tại vùng giá thấp. Trong những phiên tiếp theo, VN-Index cần một cây nến chỉ hướng và thanh khoản ủng hộ để thoát khỏi vùng đi ngang 1,600 – 1,696. Một số thông tin đáng chú ý trong những phiên tới: phiên ngày 18/09 đáo hạn HĐTL VN30, phiên ngày 19/09 dự kiến là ngày hoàn tất việc cơ cấu danh mục của quỹ ETF.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL hầu hết đều tăng, ngược chiều với nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 17/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-9.93** điểm, đóng cửa tại **1670.97** điểm. HNX-Index **-1.35** điểm, đóng cửa tại **277.63** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+7.77)**, **FPT (+0.81)**, **GAS (+0.72)**, **LPB (+0.28)**, **VNM (+0.20)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-1.68)**, **VCB (-1.54)**, **CTG (-1.35)**, **HPG (-1.31)**, **VPB (-1.27)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **29,533** tỷ đồng, giảm **-21.78%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 32,506 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 21.99 điểm. Thị trường có **119** mã tăng, 54 mã tham chiếu, **201** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-137.67** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-141.70 tỷ)**, **VPB (-92.81 tỷ)**, **VHM (-90.91 tỷ)**, **SSI (-69.44 tỷ)**, **STB (-64.36 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **17.61** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.46%**. Các mã diễn biến tích cực:
FPT (+1.93%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVS (+0.85%) [\(Link báo cáo\)](#)
VNM (+0.62%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.77%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+6.00%)
CMG (+2.77%) [\(Link báo cáo\)](#)
GAS (+2.07%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.46%	-0.77%	-0.59%	-0.35%
1 tuần	3.06%	2.58%	1.69%	2.20%
1 tháng	2.50%	-0.96%	2.11%	4.62%
3 tháng	21.27%	25.99%	23.59%	29.84%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,670.97	277.63	111.78
% 1D	-0.59%	-0.48%	0.41%
GTKL (tỷ VND)	29,533	1,750	630
%1D	-21.78%	-27.11%	-17.56%
GDNN (tỷ VND)	-137.67	17.61	3.01

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	215.34	MSN	-141.70
VNM	168.11	VPB	-92.81
FPT	153.95	VHM	-90.91
MSB	152.77	SSI	-69.44
VIC	111.06	STB	-64.36

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	%D	%W
SPX	-0.13%	1.45%
FTSE100	0.24%	-0.09%
Eurostoxx	-0.03%	0.49%
Shanghai	0.37%	1.68%
Nikkei	-0.25%	3.14%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

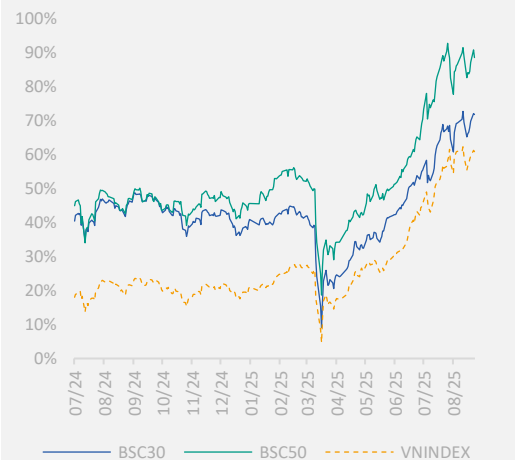
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.07	-0.59%
Giá vàng	3,664	-1.81%

Tỷ giá		
USD/VND	26,457	-0.04%
EUR/VND	32,072	0.78%
JPY/VND	184	0.55%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	0.00%
LS LNH 1M	5.1%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

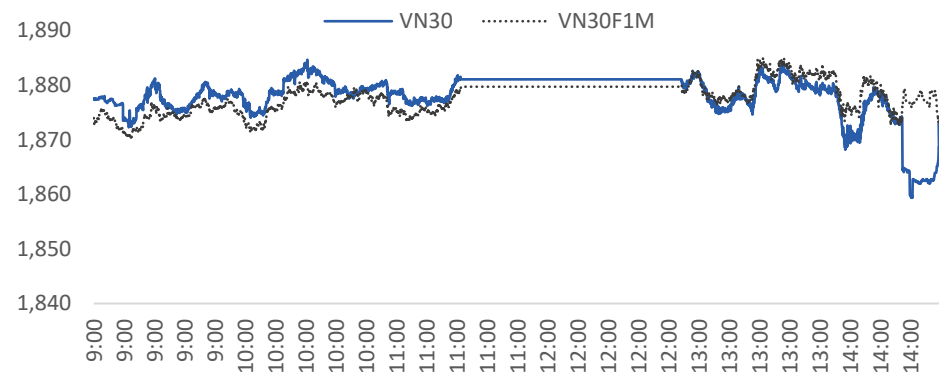
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1873.70	-0.12%	246,232	-17.7%	18/09/2025	1
41I1FA000	1869.00	0.05%	13,613	339.3%	16/10/2025	29
VN30F2512	1858.90	0.10%	157	-22.7%	18/12/2025	92
41I1G3000	1840.00	0.00%	56	19.15%	19/03/2026	183

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -6.54 điểm, đóng cửa tại 1868.85 điểm. Biên độ dao động 25.31 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MWG, MSN, VPB, TCB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán kéo VN30 xuống dưới tham chiếu trong những phút cuối phiên chiều. Thanh khoản thị trường dưới ngưỡng MA20. Tâm lý thận trọng tiếp tục bao trùm thị trường.
- Các HĐTL hầu hết đều tăng, ngược chiều với nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVIC2510	3/12/2025	77	113,100	0.91%	110.00	4,300	22.9%	4.31	144.40	143.10	143.10
CVNM2516	3/12/2025	77	90,200	8.51%	64.00	830	18.6%	0.44	70.64	65.10	65.10
CFPT2505	9/01/2026	114	44,100	33.99%	136.27	590	15.7%	0.05	141.36	105.50	105.50
CFPT2512	13/04/2026	208	5,588,000	16.41%	108.67	1,640	13.1%	0.99	122.81	105.50	105.50
CFPT2509	19/11/2025	63	68,100	23.65%	120.74	450	12.5%	0.04	130.45	105.50	105.50
CFPT2502	27/10/2025	40	718,400	40.53%	146.62	190	11.8%	0.00	148.26	105.50	105.50
CVIC2509	12/01/2026	117	42,600	1.30%	68.00	19,240	11.5%	19.03	144.96	143.10	143.10
CVIC2506	20/10/2025	33	400	2.22%	57.78	17,700	10.6%	17.11	146.28	143.10	143.10
CVIC2502	27/10/2025	40	57,600	-1.64%	45.00	19,150	9.7%	19.67	140.75	143.10	143.10
CVNM2512	14/10/2025	27	1,128,700	1.40%	58.92	1,470	9.7%	1.34	66.01	65.10	65.10
CFPT2513	20/05/2026	245	2,216,200	20.03%	116.43	910	9.6%	0.58	126.64	105.50	105.50
CFPT2511	12/01/2026	117	1,711,300	11.59%	106.95	1,250	8.7%	0.76	117.73	105.50	105.50
CFPT2503	26/03/2026	190	306,700	51.32%	155.24	510	8.5%	0.04	159.64	105.50	105.50
CFPT2518	23/09/2026	371	765,100	20.54%	106.99	2,320	8.4%	1.52	127.17	105.50	105.50
CFPT2519	23/02/2026	159	1,911,700	21.60%	122.65	810	8.0%	0.40	128.28	105.50	105.50
CSSB2508	4/05/2026	229	92,500	21.92%	21.67	710	7.6%	0.33	24.51	20.10	20.10
CVNM2508	19/11/2025	63	344,200	9.31%	67.61	460	7.0%	0.20	71.16	65.10	65.10
CFPT2521	23/06/2026	279	478,600	30.52%	122.50	800	6.7%	0.29	137.70	105.50	105.50
CVIC2508	19/12/2025	93	500	-1.50%	61.00	15,990	6.6%	16.57	140.95	143.10	143.10
CVIC2511	4/05/2026	229	66,400	7.38%	113.98	4,960	6.4%	4.40	153.66	143.10	143.10

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 17/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVIC2510 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 22.86%. CMWG2511 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.91%.
 - CMBB2507, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CVRE2521 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2502, CVIC2509, CVIC2506, CVIC2507, CVIC2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	143.10	6.00%	11.58
FPT	105.50	1.93%	2.64
LPB	45.30	0.89%	0.81
VNM	65.10	0.62%	0.49
GAS	64.00	2.07%	0.22

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	29.20	-2.50%	-4.46
MWG	78.00	-2.86%	-3.58
MSN	84.20	-3.00%	-2.89
VPB	31.00	-2.21%	-2.13
TCB	38.70	-1.65%	-1.77

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	143.10	6.00%	7.77	3.88
FPT	105.50	1.93%	0.81	1.70
GAS	64.00	2.07%	0.72	2.34
LPB	45.30	0.89%	0.28	2.99
VNM	65.10	0.62%	0.20	2.09

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	83.90	1.57%	0.27	0.30
VCS	52.60	3.54%	0.21	0.16
HUT	19.90	1.02%	0.12	0.89
PVS	35.40	0.85%	0.10	0.48
THD	27.60	1.10%	0.08	0.38

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TEG	7.34	7.00%	0.01	0.77
SMA	9.95	6.99%	0.00	0.01
LM8	14.55	6.99%	0.00	0.00
COM	39.40	6.92%	0.01	0.01
SCR	9.60	6.90%	0.07	30.82

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PHN	68.60	9.76%	0.20	0.00
CTT	19.40	9.60%	0.04	0.00
CET	8.10	9.46%	0.02	0.37
VCM	7.80	8.33%	0.02	0.00
KST	13.10	8.26%	0.03	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	41.00	-2.50%	-1.68	7.02
VCB	64.80	-1.22%	-1.54	8.36
CTG	51.40	-2.10%	-1.35	5.37
HPG	29.20	-2.50%	-1.31	7.68
VPB	31.00	-2.21%	-1.27	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	25.60	-3.03%	-0.48	0.89
MBS	35.80	-2.19%	-0.31	0.57
DTK	11.90	-3.25%	-0.18	0.68
CEO	23.60	-2.07%	-0.18	0.54
IPA	21.20	-3.64%	-0.11	0.21

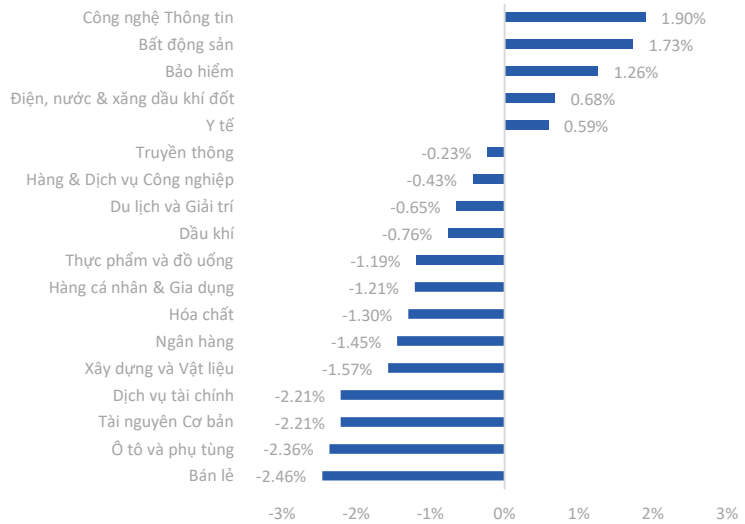
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STG	35.95	-6.99%	-0.06	0.00
TTE	39.55	-6.94%	-0.02	0.00
CCI	25.15	-6.85%	-0.01	0.00
FUETCC50	13.99	-6.73%	0.00	0.13
C47	10.80	-6.49%	-0.01	0.37

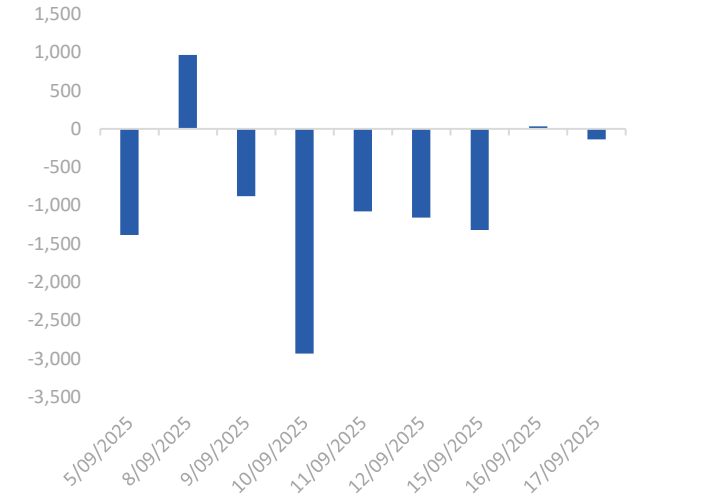
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KMT	10.00	-9.91%	-0.04	0.00
ECI	9.50	-9.52%	-0.01	0.00
PMP	12.70	-8.63%	-0.02	0.00
POT	21.10	-7.46%	-0.12	0.01
DNC	56.00	-7.44%	-0.17	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	78.0	-2.9%	1.3	115,320	705.1	3,304	23.6	84,700	47.2%	Link
KBC	Bất động sản	36.6	-3.7%	1.2	34,468	352.2	1,835	20.0	-	13.3%	Link
KDH	Bất động sản	33.5	-2.3%	1.4	37,594	151.8	716	46.8	39,900	31.7%	Link
PDR	Bất động sản	23.3	-1.3%	1.7	22,830	503.6	177	131.9	28,200	10.4%	Link
VHM	Bất động sản	102.9	0.2%	0.9	422,653	352.8	6,984	14.7	92,000	9.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	105.5	1.9%	0.7	179,720	2291.3	5,092	20.7	118,700	37.4%	Link
BSR	Dầu khí	27.1	-1.3%	0.0	84,024	203.0	(16)		23,200	0.4%	Link
PVS	Dầu khí	35.4	0.9%	1.6	16,920	224.5	2,644	13.4	42,800	10.4%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.9	-1.8%	1.4	29,051	277.1	1,095	24.6		37.7%	
SSI	Dịch vụ tài chính	40.6	-2.4%	1.4	84,282	1641.0	1,573	25.8		39.4%	
VCI	Dịch vụ tài chính	43.2	-2.0%	1.3	31,216	303.6	1,369	31.6		27.5%	
DCM	Hóa chất	38.5	-0.9%	1.4	20,355	90.2	3,186	12.1	47,300	6.8%	Link
DGC	Hóa chất	99.8	-0.2%	1.4	37,902	424.4	8,175	12.2	109,300	12.9%	Link
ACB	Ngân hàng	26.2	-1.0%	1.0	134,324	394.0	3,305	7.9	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	41.0	-2.5%	1.0	287,876	154.5	3,683	11.1	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	51.4	-2.1%	1.1	276,018	408.9	5,608	9.2	53,500	26.4%	Link
HDB	Ngân hàng	30.9	-1.3%	1.3	107,997	293.9	4,075	7.6	30,800	17.2%	Link
MBB	Ngân hàng	27.0	-1.8%	1.2	217,485	444.7	3,046	8.9	32,000	22.5%	Link
MSB	Ngân hàng	14.0	-0.4%	1.1	43,524	332.9	1,634	8.5	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	56.2	0.2%	1.1	105,949	526.8	6,148	9.1		19.0%	
TCB	Ngân hàng	38.7	-1.7%	1.0	274,238	643.8	3,018	12.8	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.3	-1.8%	1.2	50,990	209.2	2,423	8.0	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	64.8	-1.2%	0.9	541,448	409.1	4,148	15.6	75,700	21.7%	Link
VIB	Ngân hàng	20.7	-1.9%	1.0	70,293	232.7	2,218	9.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	31.0	-2.2%	1.0	245,952	880.3	2,193	14.1	35,600	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	29.2	-2.5%	1.3	224,124	4003.9	1,750	16.7	34,300	19.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.7	-2.7%	1.3	12,202	195.8	751	26.2	23,800	9.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.2	-2.8%	1.3	10,853	278.9	4,124	6.8	31,700	4.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	84.2	-3.0%	1.3	121,746	1003.0	1,861	45.2	92,700	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	65.1	0.6%	0.7	136,056	649.3	4,101	15.9	64,500	49.1%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.0	-0.77%	1.4	9,863	131.1	2,216	20.3	22.8%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	133.5	-1.84%	0.9	22,735	193.7	3,163	42.2	31.1%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	59.5	1.88%	1.2	44,168	49.8	3,278	18.2	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	23.7	-3.07%	1.4	15,288	533.2	211	111.8	5.7%	1.8%	
DXG	Bất động sản	23.0	-2.54%	1.5	23,434	360.3	350	65.8	24.6%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	34.4	-1.86%	1.3	6,126	75.7	482	71.3	5.9%	3.8%	
HDG	Bất động sản	30.6	-1.92%	1.5	11,321	73.7	540	56.7	19.3%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	42.5	-0.23%	1.4	16,129	54.0	3,977	10.7	16.5%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	40.8	-1.81%	1.4	15,692	85.4	1,709	23.9	46.0%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	58.7	-2.49%	1.2	14,212	29.4	5,215	11.3	4.0%	28.1%	
SZC	Bất động sản	34.5	-1.57%	1.1	6,210	27.8	1,978	17.4	2.7%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	21.3	-2.07%	1.4	18,503	113.0	1,099	19.4	10.4%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	143.1	6.00%	0.9	551,367	667.8	3,487	41.0	3.8%	9.6%	
VRE	Bất động sản	30.2	-1.31%	0.9	68,624	126.6	1,937	15.6	17.4%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	42.7	2.77%	1.4	9,042	95.7	1,701	25.1	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	36.1	0.42%	1.0	45,868	69.6	1,661	21.7	16.1%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	23.5	-1.47%	1.3	13,063	208.5	1,428	16.5	3.9%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.8	0.40%	1.4	13,098	92.6	1,348	28.1	25.0%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	35.8	-2.19%	1.7	20,506	225.3	1,554	23.0	6.1%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.0	2.07%	1.1	154,429	95.0	5,002	12.8	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.3	-1.29%	1.3	35,714	178.1	636	24.0	2.6%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.4	0.15%	0.8	36,508	43.6	4,417	15.3	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	142.0	0.00%	0.9	84,009	286.0	3,427	41.4	7.3%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.4	0.74%	1.4	49,091	369.0	1,736	31.3	7.0%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	73.6	-0.54%	1.3	30,926	241.1	3,826	19.2	41.6%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.7	0.35%	1.2	9,743	137.6	5,700	10.1	6.1%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.3	0.83%	1.2	8,600	100.1	2,306	7.9	7.9%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	105.0	1.06%	0.0	12,787	75.9	3,317	31.7	4.6%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	87.1	-1.80%	1.2	29,432	55.4	6,115	14.2	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	31.4	0.00%	1.0	3,512	52.4	2,693	11.6	50.0%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.8	-2.35%	1.4	2,550	27.8	2,841	7.3	17.3%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.9	-2.18%	1.2	18,290	80.9	957	28.1	7.4%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	28.9	-1.87%	1.3	115,600	76.2	1,331	21.7	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	26.8	-2.55%	1.3	49,921	277.5	1,783	15.0	5.3%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	45.3	0.89%	0.5	135,324	119.8	3,324	13.6	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.3	-0.33%	0.0	26,250	97.3	2,260	6.8	1.6%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	13.0	-1.89%	1.0	34,620	48.6	1,130	11.5	19.6%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	19.4	-0.77%	1.4	8,660	333.1	666	29.1	6.6%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.2	-0.70%	1.4	7,508	118.1	1,871	15.1	2.7%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.0	-0.44%	0.7	10,322	73.9	1,981	17.1	3.2%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.3	-1.05%	0.7	60,665	46.8	3,185	14.9	58.6%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	64.2	-2.28%	1.2	14,410	154.0	6,444	10.0	21.0%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	150.5	-0.79%	0.7	12,320	4.6	13,894	10.8	85.4%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.9	1.22%	1.4	8,409	142.9	4,512	18.4	47.2%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	91.6	0.55%	1.3	10,478	40.6	4,930	18.6	6.1%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.8	-1.75%	1.4	4,516	58.9	2,518	17.8	3.7%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.8	-2.95%	1.3	7,362	159.7	1,077	13.7	10.0%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.1	-2.06%	1.1	9,334	43.2	1,189	22.0	14.4%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.9	-2.71%	1.3	17,390	398.4	1,195	22.5	8.6%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	57.1	-2.39%	1.5	25,601	33.2	3,343	17.1	5.9%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
3	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
11	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
12	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
13	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
16	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
25	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>